**Phân tích Tràng Giang Huy Cận – Mẫu 21**

Cù Huy Cận (1919-2005), bút danh Huy Cận là một trong những đại biểu xuất sắc nhất của phong trào thơ Mới, đồng thời cũng là một nhà thơ có nhiều đóng góp to lớn cho nền văn học Việt Nam xuyên suốt qua từng giai đoạn lịch sử của dân tộc. Trước cách mạng tháng 8, thơ Huy Cận thường mang một nỗi sầu bi da diết, vô tận, bao trùm trong trời đất mà người ta vẫn nói đùa rằng lúc mang thai ông hẳn mẹ ông đã phải rơi lệ nhiều nên con trai bà mới có một tâm hồn sầu não, ảm đạm như thế. Tràng Giang là một trong những bài thơ nổi bật nhất trong phong trào thơ Mới, đồng thời cũng là sáng tác tiêu biểu và xuất sắc nhất đại diện cho phong cách sáng tác của Huy Cận giai đoạn này. Bài thơ nhuốm màu cổ điển của thơ Đường đồng thời cũng mang những nét hiện đại, lãng mạn của thơ Pháp thể hiện sâu kín nỗi buồn, nỗi cô đơn, lạc lõng của con người trước thế sự khi bản thân tác giả đang bế tắc trước viễn cảnh đất nước đau thương.

Nhan đề “Tràng giang”, là một nhan đề hay khi gợi mở ra không gian rộng lớn bằng cách điệp vần “ang”, tạo cảm giác kéo dài, âm thanh vang vọng, thoát xa trong trời đất, đồng thời nhan đề hán việt này cũng mang đến cho tác phẩm sắc thái cổ kính, trầm lặng, chất chứa nhiều tâm tư, nỗi buồn sâu kín. Lời đề từ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”, gợi ra cảm xúc chủ đạo trong bài thơ là nỗi bâng khuâng, buồn bã, chất chứa nhiều tâm sự của con người khi đứng trước một vùng trời sông nước quá đỗi rộng lớn, mà con người lại chỉ như hạt cát nhỏ, lạc lõng, chơ vơ, không biết phải đi đâu về đâu, không biết bản thân tồn tại, trong trời đất này có nghĩa lý gì. Điều đó khiến ta liên tưởng đến hoàn cảnh đầy đau thương của đất nước lúc bấy giờ, Huy Cận bản thân là một trí thức tiểu tư sản, nhưng trước thế sự rối ren lại trở nên bế tắc, không thể tìm thấy con đường sáng, và khi đứng trước sông nước mênh mông, ông lại càng cảm thấy cô đơn, lạc lõng. Điều đó thực đúng với câu “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”, khi mà cổ nhân tìm về với thiên nhiên để tìm sự đồng điệu, giao cảm, thì Huy Cận lại lấy thiên nhiên mà bộc lộ những nỗi niềm sâu kín, đem đến cho người đọc những rung cảm mới mẻ, hấp dẫn.

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng”*

Ở khổ thơ đầu tiên ta thấy mở ra là hình ảnh một bức tranh sông nước buồn vắng và ảm đạm, vẻ đẹp cổ điển của bài thơ cũng được thể hiện một cách rõ nét. Hình ảnh “tràng giang” tức là một con sông vừa rộng lại vừa dài, tưởng chừng như kéo dài đến vô tận, thế nhưng lòng sông lại hết sức yên tĩnh, dòng sông lớn thế mà sóng chỉ gợn nhẹ, mang đến cảm giác phẳng lặng, hiu hắt tựa như cảnh “dòng nước buồn thiu” của Hàn Mặc Tử. Không chỉ vậy cái buồn còn được bộc lộ một cách trực tiếp và rõ ràng trong mấy từ “buồn điệp điệp”, tức là cái buồn nỗi buồn, chồng chất lên nhau lẫn vào từng gợn sóng lăn tăn của dòng sông một cách ẩn nhẫn, âm thầm, trông có vẻ mờ nhạt nhưng thực tế lại sâu sắc vô cùng.

Hình ảnh “Con thuyền xuôi mái nước song song/Thuyền về nước lại sầu trăm ngả”, đó là một cảnh tượng gợi ra nhiều nỗi cô đơn, thuyền qua thuyền lại biết bao lần, nhưng chưa chắc một lần thuyền hiểu được nỗi lòng sông, nỗi lòng con nước. Vốn dĩ thuyền – nước hô ứng, phối hợp với nhau ấy nhưng khi vào thơ Huy Cận dường như chúng lại chẳng giao hòa, cứ song song với nhau, rồi “thuyền về nước lại” càng gợi sự chia lìa, xa cách, nghe não lòng, đau xót. Thêm nữa từng con thuyền ấy lại vướng biết bao nỗi sầu, và dường như nó còn chuyên chở cả nỗi sầu mênh mông của người, của cảnh đi khắp trăm ngả, không dừng đợi.

Câu cuối đoạn “Củi một cành khô lạc mấy dòng”, chính là tâm sự, là nỗi niềm, là thân phận của tác giả. Giữa mênh mông sóng nước như thế, lại chỉ có một nhánh củi khô nhẹ bẫng, trơ trọi, đơn độc lênh đênh không biết trôi dạt về đâu. Cũng như chính Huy Cận hoang mang, lạc lõng trước thời cuộc, không có tiếng nói, sức ảnh hưởng, không biết rồi mai đây số phận đẩy đưa, thời thế đất nước sẽ ra sao, bất lực và bế tắc vô cùng. Bên cạnh vẻ đẹp hiện đại khi tác giả khéo léo bộc lộ cái tôi, nỗi buồn cá nhân trước thế sự, thì vẻ đẹp cổ điển còn được in đậm bằng các từ láy “điệp điệp”, “song song”, những từ hán việt “sầu”, “tràng giang” mang đến cho bức tranh thiên nhiên sông nước vẻ đẹp cổ kính, đượm buồn.

*“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài trời rộng bến cô liêu”*

Sang đến khổ thơ thứ hai cảnh sông nước mênh mông đã được thay thế bằng một khung cảnh khác, không gian được thu hẹp hơn, thế nhưng dường như nỗi buồn lại càng trở nên đậm đặc hơn, bao trùm kín kẽ từng cảnh vật. Huy Cận tiếp tục sử dụng bút pháp quen thuộc trong Đường thi khi sử dụng các từ láy vần liên tiếp “lơ thơ”, “đìu hiu”, “chót vót”, diễn tả trọn vẹn được sự cô quạnh, hoang vắng của cảnh vật. Ở câu “Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu”, rõ ràng những cồn cát đã nhỏ, ấy thế mà còn rời rạc, thưa thớt, dường như chẳng hề có chút kết nối, thêm tiếng gió buổi chiều hôm mỏng nhẹ thổi lướt qua càng khiến khung cảnh thêm tịch mịch, buồn bã.

Giữa cảnh tượng cô liêu, rợn ngợp ấy, Huy Cận đã không kiềm được phải thốt lên “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”, để mong tìm được một chút âm thanh sự sống, âm thanh của con người, dù là nhỏ nhất chỉ để xua tan bớt đi cái nỗi cô đơn, trống vắng đang bủa vây. Đổi một cách nhìn khác, cái tiếng chợ chiều làng xa ấy, lại càng làm nổi bật nên sự đìu hiu, quạnh quẽ của không gian sông nước, khi mà một tiếng vãn chợ xa xăm cũng trở nên rõ ràng lọt vào tai của người lữ khách bên sông. Điều đó cũng đủ thấy rằng cảnh thiên nhiên và cảnh lòng người đang ở mức cô tịch, vắng vẻ đến độ nào.

Đến câu “Nắng xuống trời lên sâu chót vót”, ta dễ dàng mường tượng ra khoảng cách xa xăm giữa trời và đất, câu thơ dường như càng kéo giãn thêm cái độ rộng dài của không gian. Mấy từ “sâu chót vót” vốn chẳng hợp lý khi đưa vào để miêu tả độ cao của trời xanh, thế nhưng trong Tràng giang thì chỉ có mấy từ ấy mới diễn tả được sâu sắc khoảng cách đất trời, làm nổi bật lên sự nhỏ bé của con người trước vũ trụ rộng lớn bao la. Và để khi rời ra tiếng chợ chiều, Huy Cận nhìn lại một lần nữa chỉ còn cảnh “Sông dài trời rộng, bến cô liêu”, cảnh sông nước mênh mông, rộng lớn, bến cô liêu chẳng một bóng người lạnh lẽo, hoang sơ và ảm đạm như chính lòng tác giả.

*“Bèo dạt về đâu hàng nối hàng
Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thân mật
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”*

Khổ thơ thứ 3 càng bộc lộ rõ hơn nỗi niềm và hoàn cảnh của tác giả, cảnh sông nước mênh mông, trời cao, đất xa dần được thu lại bằng hình ảnh “Bèo dạt về đâu hàng nối hàng”. Bèo vốn là một hình ảnh quen thuộc trong văn học cổ điển, ám chỉ những kiếp người lênh đênh, vô định, mặc cho dòng đời đẩy đưa, trong thơ Huy Cận hình ảnh “bèo dạt về đâu” chính là một lời tự hỏi, là sự đau đớn trước số phận, trước thời cuộc, khi chính bản thân ông cũng không thể tìm ra một lối đi đúng đắn, dù muốn thay đổi thế sự nhưng chịu bất lực. Mấy từ “hàng nối hàng” chính là cái hay trong thơ Huy Cận, ý chỉ số phận bèo dạt như ông trong xã hội lúc bấy giờ không phải hiếm mà là cảnh ngộ chung của một thế hệ, một tầng lớp những con người yêu nước, có lòng mà không có sức, bế tắc và đau xót vô cùng.

Đến câu thơ tiếp “Mênh mông không một chuyến đò ngang” không chỉ là bộc lộ cảnh tượng hoang vắng, quạnh quẽ của dòng sông, bộc lộ nỗi cô đơn trong lòng, mà còn chính là để nói lên thực trạng đất nước lúc bấy giờ. Giữa cảnh tăm tối ấy, lữ khách muốn tìm một con thuyền, một ngọn lửa sáng để cùng nhau đấu tranh giải phóng dân tộc, thì nhìn lại dòng sông lại im ắng “không một chuyến đò ngang”, không có một tổ chức, một con người nào có thể dẫn dắt đưa lối, kéo những tiểu tư sản trí thức như Huy Cận ra khỏi sự hoang mang, vô định. Sự thực ấy khiến người ta không khỏi xót xa cho một đất nước, một dân tộc, và cả những con người lạc lõng “Không cầu gợi chút niềm thân mật”, cuối cùng họ Huy Cận vẫn phải tự ôm lấy nỗi cô đơn, buồn tủi giữa thiên nhiên rộng lớn mà ảm đạm “Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”, chứ không còn một cảnh tượng nào khác, một con người nào khác.

*“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.”*

Ở khổ thơ cuối, vẻ đẹp cổ điển, lãng mạng trong phong cách sáng tác của Huy Cận càng được thể hiện rõ ràng trong khung cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ, cùng những chất liệu thơ quen thuộc trong Đường thi. Đó là nét cổ điển với bút pháp chấm phá “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc” mây vờn quanh núi từng lớp, từng lớp dày đặc, đầy nội lực, mạnh mẽ với từ “đùn” khiến cho ngọn núi phủ một màu trắng ngà. Dưới ánh nắng mặt trời những ngọn núi ấy trông như được dát bạc, tạo nên cảnh tượng hùng vĩ hiếm có, đồng thời cũng thể hiện sức sáng tạo trong thơ ca của tác giả, với những liên tưởng thú vị. Và trên cái khung cảnh tráng lệ ấy xuất hiện một cánh chim nhỏ bé, lạc lõng “Chim nghiêng cánh nhỏ: Bóng chiều sa”, là chim nghiêng cánh để bóng chiều sà xuống bao trùm khắp không gian, hay là bóng chiều đổ xuống làm nghiêng đi cánh chim nhỏ bé, chao liệng, chất chứa nhiều nỗi cô đơn.

Có thể nói rằng hình ảnh cánh chim luôn là một thi liệu quen thuộc trong thi ca cổ điển, là dấu hiệu của buổi hoàng hôn, của buổi chiều tà, mang đến cho con người những nỗi bâng khuâng, bất định trong tâm tưởng khi nhìn bóng chim bay lưng trời mà chưa thấy một điểm dừng nhất định.

 Hai câu thơ cuối cùng dù vẫn dùng chất liệu thơ cổ, thế nhưng nội dung thơ lại đậm tính hiện đại, khi trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ quê nhà tha thiết của tác giả. “Lòng quê dợn dợn vời con nước/Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”, trước những cảnh tượng mênh mông rộng lớn, hùng vĩ đến thế nhưng bản thân người thi sĩ lại cô đơn, không có nổi một chốn cho tâm hồn nương tựa. Trước những nỗi sầu bi bất định như thế, Huy Cận không khỏi nhớ nhà, nhớ quê nơi đã sinh ra, cho lữ khách hơi ấm yêu thương, để vơi bớt đi những quạnh quẽ, chua xót trong lòng. Nỗi nhớ ấy tha thiết đến độ không cần đến “khói hoàng hôn”, ánh lửa bữa cơm chiều từ những căn bếp mà lòng vẫn đượm một nỗi nhớ mong sâu nặng. Ấy rồi mở rộng ra nỗi nhớ quê đau đáu của Huy Cận lại diễn ra khi chính bản thân tác giả đang đặt chân ở mảnh đất quê mình, ta mới hiểu được rằng nỗi nhớ quê chính là lòng yêu nước thầm kín, Huy Cận nhớ về những ngày đã xa, khi đất nước còn yên ấm, tươi đẹp, khác hẳn với hiện thực đau thương, buồn bã. Mà trước cảnh tượng ấy, ông lại chỉ có thể bất lực trước thời thế rối ren, luẩn quẩn trong chính sự bế tắc của tâm hồn với những nỗi sầu bi bất định, nghe thật chua xót.

Hồn thơ Huy Cận là một hồn thơ hay và chịu thích nghi với thời cuộc, trước cách mạng tháng tám với tư cách là một trí thức tiểu tư sản, trong các sáng tác của mình, ông thường bộc lộ những nỗi buồn thế sự, nỗi bất lực trước cảnh đổi thay của thời đại, cũng như cảnh đau thương của đất nước, thể hiện tấm lòng yêu đất nước sâu nặng. Tất cả những tình cảm ấy được thể hiện rõ nét trong Tràng giang bằng lối thơ vừa cổ điển vừa hiện đại, kết hợp cùng nỗi ám ảnh sâu sắc với không gian rộng lớn, Huy Cận đã tạo ra một tác phẩm xuất sắc, để lại nhiều dấu ấn trong lòng người đọc về thơ ca Việt Nam giai đoạn trước cách mạng.